

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: TOÁN 11

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	2213360061	Đinh Tiến	Hoàng	12/12/2002	02DH14C1	5,0	7,0	6,3		3,0	4,3	Thi lại
2	2213360109	Trương Ngọc Kim	Ngân	27/11/2006	02DH14C1	6,0	8,0	7,3		2,0	4,1	Thi lại
3	2213360136	Trần Minh	Triết	30/03/2005	02DH14C1	10,0	8,0	8,7		4,5	6,2	Đạt
4	2213360170	Lê Thái Minh	Nhật	22/05/2004	02DH14C1	0,0	8,0	5,3		0,0	2,1	Thi lại
5	2213360187	Nguyễn Hoàng Phi	Hùng	23/08/2006	02DH14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
6	2213360243	Võ Thị Thanh	Ngân	20/10/2006	02DH14C1	6,0	8,0	7,3		2,0	4,1	Thi lại
7	2213360255	Trương Minh	Tuấn	15/02/2002	02DH14C1	10,0	10,0	10,0		6,5	7,9	Đạt
8	1213360136	Huỳnh Nguyễn Phương	Thùy	18/4/2006	02DH14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
9	2213360288	Nguyễn Ngọc	Nhi	13/7/2006	02DH14C1	6,0	8,0	7,3		3,0	4,7	Thi lại
10	2213360307	Trần Thuận	Trung	24/8/2006	02DH14C1	6,0	10,0	8,7		7,5	8,0	Đạt
11	2213360345	Nguyễn Thị Ngọc	Tiền	22/12/2006	02DH14C1	6,0	7,0	6,7		7,0	6,9	Đạt
12	2213360116	Đoàn Đông	Xuân	28/01/2006	02DN14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
13	2213360144	Xa Ngọc	Thiện	03/12/2006	02DN14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
14	2213360226	Huỳnh Nguyễn Minh	Quân	30/10/2005	02DN14C1	10,0	9,0	9,3		0,0	3,7	Thi lại
15	2193360165	Trương Thị Thuỷ	Tiên	24/11/2001	02KT13C1	8,0	7,0	7,3		8,0	7,7	Đạt
16	2193360109	Ngô Thị Tuyết	Minh	12/04/2001	02KT14C1	10,0	10,0	10,0		4,0	6,4	Đạt
17	2213360092	Phan Thanh	Duyên	01/01/2006	02MK14C1	10,0	10,0	10,0		9,5	9,7	Đạt
18	2213360094	Trần Phương Bảo	Ngọc	23/02/2006	02MK14C1	10,0	8,0	8,7		1,0	4,1	Thi lại
19	2213360104	Võ Trần Thanh	Trúc	16/04/2006	02MK14C1	8,0	9,0	8,7		3,5	5,6	Đạt
20	2213360133	Nguyễn Hoàng Nhật	Hào	10/05/2006	02MK14C1	7,0	8,0	7,7		1,5	4,0	Thi lại
21	2213360180	Mai Thành	Công	30/03/2005	02MK14C1	10,0	9,0	9,3		8,0	8,5	Đạt
22	2213360211	Trần Ngọc Quỳnh	Anh	19/11/2005	02MK14C1	5,0	8,0	7,0		0,0	2,8	Thi lại
23	2213360218	Khuông Nguyễn Hoàng	Thơ	21/10/2006	02MK14C1	10,0	7,0	8,0		4,0	5,6	Đạt
24	2213360223	Trần Ngọc Bảo	Trân	27/01/2005	02MK14C1	6,0	6,0	6,0		4,0	4,8	Thi lại
25	2213360230	Đào Huy	Hoàng	14/7/2004	02MK14C1			0,0	TBKT	0,0	0,0	Học lại
26	2213360244	Nguyễn Vũ Hoài	Phong	07/7/2004	02MK14C1	10,0	10,0	10,0		2,0	5,2	Đạt
27	2213360245	Nguyễn Quốc	Khang	13/5/2003	02MK14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
28	2213360253	Phạm Huy	Hùng	31/8/2006	02MK14C1	8,0	5,0	6,0		0,0	2,4	Thi lại
29	2213360286	Mai Huỳnh	Anh	24/5/2006	02MK14C1	8,0	5,0	6,0		0,0	2,4	Thi lại
30	2213360289	Nguyễn Hoàng	Khang	07/10/2003	02MK14C1			0,0	TBKT	0,0	0,0	Học lại
31	2213360304	Đỗ Trâm	Anh	30/5/2006	02MK14C1	5,0	8,0	7,0		5,5	6,1	Đạt
32	2213360316	Lê Vũ Quỳnh	Hương	30/11/2006	02MK14C1		5,0	3,3	TBKT	2,0	2,5	Học lại
33	2213360325	Biện Tiến	Lâm	17/10/2003	02MK14C1			0,0	TBKT	0,0	0,0	Học lại
34	2213360354	Đặng Huỳnh Phương	Thảo	16/8/2002	02MK14C1	10,0	10,0	10,0		6,0	7,6	Đạt
35	2213240199	Trần Phạm Tuấn	Kiệt	13/10/2005	02MK14C1	5,0	7,0	6,3		0,0	2,5	Thi lại
36	2213360377	Thái Bửu	Quốc	13/4/2005	02MK14C1	6,0	8,0	7,3		2,0	4,1	Thi lại
37	2203360114	Trần Thái Gia	Bảo	15/03/2005	02MK14C1	1,0	7,0	5,0		2,0	3,2	Thi lại
38	2213360211	Trần Ngọc Quỳnh	Anh	19/11/2005	02MK14C1	5,0	6,0	5,7		0,0	2,3	Thi lại
39	2193360098	Nguyễn Văn	Thiện	04/10/2004	02TM12C1	10,0	8,0	8,7		8,0	8,3	Đạt
40	2213360056	Thái Quốc	Tường	27/05/2003	02TM14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
41	2213360072	Lê Quốc Duy	Khang	31/03/2004	02TM14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
42	2213360107	Phùng Ngô Anh	Kiệt	22/09/2006	02TM14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM		
						HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
43	2213360126	Châu Tuấn	Khang	25/10/2006	02TM14C1	0,0	5,0	3,3	TBKT	2,0	2,5	Học lại
44	2213360140	Bùi Đình Đức	Nguyên	25/08/2004	02TM14C1	0,0	5,0	3,3	TBKT		1,3	Học lại
45	2213360231	Nguyễn Thành	Danh	28/01/2006	02TM14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
46	2213360263	Đặng Trần Hoàng	Linh	03/01/2004	02TM14C1	8,0	5,0	6,0		2,0	3,6	Thi lại
47	2213360270	Đặng Khải	Phong	28/3/2005	02TM14C1	8,0	5,0	6,0		2,0	3,6	Thi lại
48	2213360344	Trần Ngọc Vĩnh	Phúc	11/8/2005	02TM14C1	10,0	9,0	9,3		3,5	5,8	Đạt
49	2213360373	Diệp Trường	Chinh	15/6/2005	02TM14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
50	2203360227	Trần Tuấn	Long	22/08/2002	02TM14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
51	2213360297	Nguyễn Hải	Đăng	24/04/2006	02TM14C1	10,0	8,0	8,7		3,5	5,6	Đạt
52	2213360026	Nguyễn Ngọc	Sang	04/03/1991	02TW14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
53	2213360034	Trần Kim	Hùng	14/05/2005	02TW14C1	9,0	7,0	7,7		0,0	3,1	Thi lại
54	2213360108	Đỗ Minh	Quang	03/09/2006	02TW14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
55	2213360299	Lê Hữu	Đức	27/11/2004	02TW14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
56	2213360379	Trần Trường	Thịnh	07/7/2005	02TW14C1	6,0	8,0	7,3		6,0	6,5	Đạt
57	2193360232	Trần Ngọc Mỹ	Duyên	26/03/2004	02DL12C1	10,0	8,0	8,7		5,5	6,8	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
58	2193360230	Trịnh Minh	Hằng	19/09/2003	02DL12C1	10,0	7,0	8,0		6,0	6,8	Đạt
59	2213360119	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	01/01/2006	02KT14C1	9,0	7,0	7,7		2,0	4,3	Thi lại
60	1833620086	Vũ Anh	Khoa	20/02/2003	02TM11C1	10,0	10,0	10,0		2,0	5,2	Đạt
61	2193360098	Nguyễn Văn	Thiện	04/10/2004	02TM12C1	10,0	8,0	8,7		8,0	8,3	Đạt